TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 148/2025/HC-ST Ngày: 28 – 8 – 2025. *V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Ẩm; Bà Đặng Thị Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Linh Chi - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 80/2025/TLST-HC ngày 24/3/2025 về việc "*Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2025/QĐXXST-HC ngày 19/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2025/QĐ-PT ngày 17/7/2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trương Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ hiện nay: TDP B, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Hoàng A, sinh năm 1984; địa chỉ hiện nay: A L, phường B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người bị kiện:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số G N, phường T, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Châu Thái D, sinh năm 1968; địa chỉ hiện nay: TDP B, phường T, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Gia đình bà Trương Thị L được UBND thành phố B cấp giấy CNQSDĐ số AD 578768 tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 28, phường T, thành phố B, với diện tích: 663,2 m^2 (trong đó: 300m^2 đất ở đô thị, 363,2m^2 đất trồng cây hằng năm khác).

Diện tích đo đạc thực tế là: 749,8m^2 (thửa đất dự án số 02, mảnh trích đo số 07-2020 theo trích lục số 3820/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 09/04/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ). Chênh lệch so với GCNQSDĐ là 86,6m^2. Lý do: giấy CNQSDĐ đã được trừ diện tích đất nằm trong quy hoạch đường T Hiện nay hộ dân sử dụng ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm.

Diện tích đất thu hồi: 281,7m^2 (trong đó: 125,3m^2 đất ở đô thị, 101,8m^2 đất trồng cây hằng năm khác thuộc GCNQSDĐ số AD 578768 và 54,6m^2 đất trồng cây hằng năm khác ngoài GCNQSDĐ thuộc quy hoạch đường T có cùng nguồn gốc với đất đã được cấp giấy CNQSDĐ).

Ngày 29/12/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7527/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Châu Thái D, bà Trương Thị L để thực hiện dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại phường T, thành phố B và Quyết định số 7503/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại phường T, thành phố B.

Sau khi nhận quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì gia đình bà Trương Thị L đã làm đơn gửi đến UBND thành phố B đề nghị được giao đất tái định cư. Ngày 12/3/2024, Chủ tịch UBND thành phố B có văn bản trả lời không đồng ý cấp tái định cư cho gia đình bà Trương Thị L.

Tuy nhiên, căn cứ điểm c khoản 1, Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quy định:

"...c) Trường hợp diện tích còn lại sau thu hồi lớn hơn hạn mức tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh (không phải di chuyển chỗ ở) thì diện tích thu hồi được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất nếu diện tích thu hồi lớn hơn 50% diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư thì được giao đất ở tại nơi tái định cư. Căn cứ vào diện tích thu hồi và diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư để giao số thửa tương ứng với diện tích thu hồi."

Căn cứ quy định trên thì gia đình bà Trương Thị L bị thu hồi 125,3m^2 đất ở đô thị nên gia đình bà Trương Thị L đủ điều kiện được giao 01 thửa đất tái định cư theo đúng quy định của Pháp luật.

Thời điểm hiện tại thì địa phương có điều kiện đủ quỹ đất để bố trí đất tái định cư. Các hộ gia đình đều có nguyện vọng được bố trí hỗ trợ đất tái định cư để ổn định cuộc sống nhưng UBND thành phố B không xem xét giao đất tái định cư cho hộ gia đình bà là trái quy định pháp luật.

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu hủy văn bản trả lời số 1127/UBND-VP ngày 12/3/2024 của Chủ tịch UBND thành phố B. Buộc UBND thành phố Buôn Ma T phải giao cho gia đình bà L 01 thửa đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố B trình bày:

Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 28, diện tích 663,2m^2 đất (trong đó 300 m^2 đất ở đô thị, 363,2m^2 đất nông nghiệp), tại phường T, tỉnh Đắk Lắk được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 578768 ngày 13/10/2005 cho hộ ông Châu Thái D, bà Trương Thị L. Thuộc phạm vi thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khi đất phường T, thành phố B.

Hộ ông D, bà L đã được UBND thành phố B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 7503/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 với số tiền: 1.924.236.060 đồng; thu hồi đất tại Quyết định số 7527/QĐ-UBND ngày 29/12/2023. Các Quyết định này đã được Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk phối hợp cùng UBND phường T niêm yết công khai và gửi trực tiếp cho hộ gia đình vào ngày 03/01/2024. Việc lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đã đảm bảo đúng trình tự thủ tục quy định pháp luật.

Diện tích đất thu hồi thực hiện Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại phường T là: 227,1 m^2 (trong đó 125,3 m^2 đất ở đô thị, 101,8 m^2 đất nông nghiệp). Hiện trạng tài sản gắn liền với diện tích đất thu hồi là tường rào, cổng, sân xi măng, không có nhà ở gắn liền với đất thu hồi. Sau khi Nhà nước thu hồi thì diện tích đất còn lại của gia đình ông Châu Thái D là 436,1 m^2 *(trong đó có 174,7 m^2 đất ở đô thị, 261,4 m^2 đất nông nghiệp)*, gắn liền với căn nhà ở không bị giải toả, hộ gia đình không phải di chuyển chỗ ở sau khi Nhà nước thu hồi đất. Hộ ông D, bà L đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ vào ngày 01/02/2024 theo Phiếu chi số PC0016 và bàn giao mặt bằng thửa đất thu hồi cho Nhà nước ngày 08/3/2024.

Về yêu cầu hủy văn bản trả lời số 1127/UBND ngày 12/3/2024 của Chủ tịch UBND thành phố B: Trong quá trình thực hiện, 07 hộ gia đình gồm có hộ bà L có đơn kiến nghị tập thể đề ngày 02/02/2024 gửi nhiều cơ quan với nội dung: Quy trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Đơn giá bồi thường thấp; Đơn giá tài sản hoa màu và chưa tính đủ các khoản bồi thường hỗ trợ cho người bị thu hồi đất. Tại Công văn số 1127/UBND-VP ngày 12/3/2024 của Chủ tịch UBND thành phố B để trả lời cho các hộ gia đình về các nội dung kiến nghị liên quan đến phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất để xây dựng Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất phường T, thành phố B đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật, không có nội dung UBND thành phố trả lời không đồng ý cấp tái định cư cho gia đình ông Châu Thái D, bà Trương Thị L như trong Đơn khởi kiện phản ánh.

Về yêu cầu UBND thành phô Buôn Ma T phải giao cho gia đình bà L 01 thửa đất tái định cư theo quy định của pháp luật: Ngày 03/01/2024, hộ bà L đã nhận được Quyết định số 7503/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Ngày 20/02/2025, bà L mới có đơn khởi kiện yêu cầu cấp 01 thửa đất tái định cứ khi nhà nước thu hồi đất là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Đồng thời sau khi Nhà nước thu hồi thì diện tích đất còn lại của hộ bà L gắn liền với căn nhà ở không bị giải toả, không phải di chuyển chỗ ở sau khi Nhà nước thu hồi đất; hộ bà L cũng đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ, bàn giao mặt bằng thửa đất thu hồi cho Nhà nước để triển khai dự án; quỹ đất bố trí tái định cư trên địa bàn thành phố B chưa đáp ứng được nhu cầu của các công trình dự án khác phải bố trí tái định cư.

Do đó, nội dung khởi kiện của bà Trương Thị L yêu cầu huỷ Công văn số 1127/UBND-VP ngày 12/3/2024 của chủ tịch UBND thành phố B và buộc UBND thành phố B phải giao cho gia đình bà L 01 thửa đất tái định cư là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Trương Thị L.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Châu Thái D trình bày: Ông Châu Thái D là chồng của bà Trương Thị L, đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính;

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như Biên bản đối thoại ngày 14/9/2023 giữa Đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk, Đại diện Chính quyền địa phương nơi có đất bị thu hồi và các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, Biên bản họp thẩm định ngày 28/12/2023 gồm đại diện phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B; đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk, đại diện phòng T2; đại diện phòng Quản lý đô thị và đại diện phòng Kinh tế có cơ sở khẳng định địa phương có quỹ đất tái định cư. UBND thành phố B thu hồi của hộ bà Trương Thị L 227,1m^2 đất (gồm 125,3m^2 đất ở đô thị, 101,8 m^2 đất nông nghiệp), căn cứ quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 4, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thì hộ bà Trương Thị L đủ điều kiện được giao 01 thửa đất tái định cư, UBND thành phố Buôn Ma T không giao đất ở tại nơi tái định cư cho hộ bà L là không đúng. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L. Gia đình bà L có nghĩa vụ nộp lại số tiền đã được bồi thường về đất ở và thanh toán số tiền chênh lệch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 29/12/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7503/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại phường T, thành phố B và (Gọi tắt là Quyết định số 7503).

Ngày 02/02/2024, các hộ dân trong đó có hộ bà Trương Thị L, ông Châu Thái D có đơn kiến nghị, khiếu nại đối với Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại phường T, thành phố B, trong đơn có nội dung: Trong dự án này, ban giải phóng đền bù không đúng, không thực hiện hỗ trợ, tái định cư đầy đủ theo quy định (BL 03).

Ngày 26/02/2024, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đ chuyển đơn kiến nghị đến UBND thành phố B (BL 84).

Ngày 12/3/2024, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Công văn số 1127/UBND-VP về việc xử lý đơn của các công dân trong đó có bà Trương Thị L, nội dung: Việc UBND thành phố Buôn Ma Thuột phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất của các hộ gia đình đã đảm bảo trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật (Gọi tắt là Văn bản trả lời số 1127) – BL 11.

Ngày 20/02/2025, bà Trương Thị L khởi kiện đề nghị hủy Văn bản trả lời số 1127/UBND-VP ngày 12/3/2024 của Chủ tịch UBND thành phố B và buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định giao cho gia đình bà L 01 thửa đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, văn bản số 1127 có nội dung "Việc UBND thành phố B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã đảm bảo trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật", như vậy Văn bản số 1127 có chứa đựng nội dung giải quyết khiếu nại vấn đề giao đất tái định cư nên yêu cầu khởi kiện của bà L còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk được quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về việc tham gia tố tụng:

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai thì kể từ ngày 01/7/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk kế thừa

quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch UBND thành phố B và UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Căn cứ khoản 3 Điều 59 của Luật Tố tụng hành chính, Chủ tịch UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch UBND thành phố B và UBND thành phố B.

Tòa án đã thông báo về việc tham gia tố tụng nhưng người bị kiện vắng mặt, người khởi kiện có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu buộc UBND thành phố B ban hành quyết định giao cho gia đình bà 01 thửa tái định cư theo quy định của pháp luật:

Ngày 13/10/2005, hộ ông Châu Thái D và bà Trương Thị L được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AD 578768 đối với thửa đất số 59, tờ bản đồ số 28, diện tích 663,2m^2 (trong đó 300 m^2 đất ở đô thị, 363,2m^2 đất nông nghiệp) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 29/12/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7527 về việc thu hồi 227,1m^2 đất (gồm 125,3m^2 đất ở đô thị, 101,8 m^2 đất nông nghiệp) của hộ ông Châu Thái D, bà Trương Thị L. Diện tích đất còn lại của hộ bà L sau khi bị thu hồi là 436,1 m^2 (trong đó có 174,7 m^2 đất ở đô thị, 261,4 m^2 đất nông nghiệp).

Điểm b khoản 1 Điều 79 Luật đất đai năm 2013 quy định:

"1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam mà có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường như sau:

b) Trường hợp còn đất ở, nhà ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở."

Điểm c khoản 1 Điều 4, Điều 7 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quy định:

"Điều 4. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì được bồi thường bằng việc giao đất ở, cụ thể như sau:

"c) Trường hợp diện tích còn lại sau thu hồi lớn hơn hạn mức tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh (không phải di chuyển chỗ ở) thì diện tích thu

hồi được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất nếu diện tích thu hồi lớn hơn 50% diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư thì được giao đất ở tại nơi tái định cư. Căn cứ vào diện tích thu hồi và diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư để giao số thửa tương ứng với diện tích thu hồi."

Điều 7. Xây dựng khu tái định cư và giá đất tái định cư

1. Bố trí quỹ đất và xây dựng khu tái định cư

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí quỹ đất để thực hiện bồi thường bằng việc giao đất; xây dựng các khu tái định cư để phục vụ nhu cầu tái định cư khi thu hồi đất thực hiện các dự án trên địa bàn. Khi xây dựng Khu tái định cư phải điều tra, đánh giá đặc điểm tình hình của khu vực thu hồi, nhu cầu tái định cư; trên cơ sở đó, quy hoạch chi tiết các thửa đất có nhiều mức diện tích khác nhau phù hợp mức bồi thường và khả năng chi trả của người được tái định cư theo quy định.

Xét thấy: Tại Biên bản đối thoại ngày 14/9/2023 giữa Đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk, Đại diện Chính quyền địa phương nơi có đất bị thu hồi (phường T) và các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất (BL 60), tại nội dung trả lời kiến nghị giao đất tái định cư có nêu: Việc đủ điều kiện hay không đủ điều kiện giao đất tái định cư phải căn cứ kết quả xác minh tình trạng nhà ở, đất ở tại Chi nhánh văn phòng Đ và UBND phường T... Dự kiến vị trí giao đất tái định cư gồm: 10 thửa tại dự án Khu dân cư P (T định cư tại chỗ) hoặc 07 thửa tại Khu tái định cư T, phường T hiện do Trung tâm quản lý. Tại Biên bản họp thẩm định ngày 28/12/2023 gồm đại diện phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B; đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk, đại diện phòng T2; đại diện phòng Quản lý đô thị và đại diện phòng Kinh tế (BL 62) thì địa phương có bố trí Khu tái định cư Hạ tầng kỹ thuật phường T, thành phố B. Quyết định số 7503 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất có quyết định giao đất tái định cư cho 04 hộ dân là hộ ông Lê Đức T1, hộ ông Võ Tấn H, hộ ông Lưu Minh M, hộ ông Lưu Văn S được giao đất ở nơi tái định cư có diện tích mỗi thửa giao động từ 97,2m^2 đến 154,4m^2 đất. Trong đó có 03 hộ được giao đất tái định cư tại Khu tái định cư Dự án Hạ tầng kỹ thuật phường T, thành phố B. Như vậy, có cơ sở xác định địa phương có điều kiện về quỹ đất.

Diện tích đất bị thu hồi của hộ bà L là 227,1m^2 (125,3m^2 đất ở đô thị, 101,8 m^2 đất nông nghiệp), lớn hơn 50% diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư nên đủ điều kiện được giao đất ở tại nơi tái định cư. Mặt khác, UBND thành phố thu hồi đất của hộ gia đình bà L là để thực hiện Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất phường T nhưng UBND thành phố không giao đất ở tại nơi tái định cư cho hộ bà Trương Thị L là không đúng quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. UBND thành phố B không cung cấp tài liệu thể hiện hộ gia đình bà Trương Thị L không có nhu cầu giao đất ở tại khu tái

định cư. UBND thành phố B cho rằng địa phương không có điều kiện quỹ đất để không giao đất ở tại nơi tái định cư cho hộ gia đình bà L là không đảm bảo quyền lợi của người có đất bị thu hồi. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND thành phố B ban hành quyết định giao 01 thửa đất ở tại nơi tái định cư cho hộ bà L theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền mà hộ bà L đã được bồi thường (đối với diện tích đất ở), cơ quan thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư cần thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với cầu hủy Văn bản trả lời số 1127: Như đã nhận định ở mục [3.1] thì trường hợp hộ bà L đủ điều kiện được giao đất tái định cư nên công văn số 1127 không chấp nhận khiếu nại của bà L đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc hủy một phần Văn bản trả lời số 1127 liên quan đến hộ bà L.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ Điều 79 Luật đất đai năm 2013; điểm c khoản 1 Điều 4 của Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L.

[1.1] Buộc Chủ tịch UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk – là Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân thành phố B – phải ban hành quyết định giao cho hộ bà Trương Thị L 01 thửa đất ở tại nơi tái định cư theo quy định của pháp luật.

[1.2] Hủy văn bản số 1127/UBND-VP ngày 12/3/2024 của Chủ tịch UBND thành phố B về nội dung liên quan đến hộ bà Trương Thị L.

[2]. Về án phí:

[2.1] Bà Trương Thị L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000053 ngày 10/3/2025 (do bà Hoàng Thị H1 nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[2.2] Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa PT TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lưu Thị Thu Hường